TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hằng.

2. Ông Võ Đức Huy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Nhẩn – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2023/TLST – DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1965 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Long An.

2/Bị đơn: Ông B, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137 Khu E Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông có cho ông B mượn 02 lần tiền. Lần 1 ngày 13/3/2023, cho mượn 20.000.000 đồng, ông B có ký nhận, thoả thuận miệng là 01 tháng trả. Lần 2 ngày 01/4/2023 ông B mượn tiếp 20.000.000 đồng, hẹn ngày 10/5/2023 trả, ông B có ký nhận nợ. Ông B có thế cho ông 1 bản chính căn cước công dân của ông B, đến nay ông B chưa trả tiền gốc và tiền lãi. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông B trả cho ông số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông giao nhận tiền với một mình ông B nên chỉ yêu cầu ông B thanh toán nợ, không liên quan ai.

Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai cho ông B biết

Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của ông A nhưng ông B không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của ông A.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Riêng ông B không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt ông B không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: căn cứ vào giấy vay tiền ngày 13/3/2023 và ngày 01/4/2023 thì ông A yêu cầu ông B trả số tiền vay 40.000.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] ông A và ông B có ký với nhau giấy mượn tiền ngày 13/3/2023 và ngày 01/4/2023. Nay ông A khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông B hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, ông B bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông B bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông B vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông A, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Ông A và ông B có quan hệ vay mượn nhiều lần. Lần 1 ngày 13/3/2023, ông A cho mượn 20.000.000 đồng, ông B có ký nhận giấy thoả thuận vay tiền, thoả thuận miệng là 01 tháng trả. Lần 2 ngày 01/4/2023 ông B mượn tiếp 20.000.000 đồng, hẹn ngày 10/5/2023 trả, ông B có ký nhận giấy thoả thuận vay tiền. Ông B có thế cho ông A 01 bản chính căn cước công dân của ông B số 080070001692 cấp ngày 21/4/2021, đến nay ông B chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B vắng mặt. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an thị trấn T xác nhận ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 137 Khu E Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Tại buổi hoà giải ngày 24/5/2023 của Uỷ ban nhân dân thị trấn T huyện Thủ Thừa tỉnh Long An thì ông B vắng mặt, ông A có trình bày về việc ông B vắng mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành tống đạt trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai

hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông B đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các giấy thoả thuận vay tiền ngày 13/3/2023 và ngày 01/4/2023 buộc ông B trả cho ông A tiền vay gốc 40.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông A không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Ông A phải trả cho ông B 01 bản chính Căn cước công dân số 080070001692 cấp ngày 21/4/2021 đứng tên B.

[7] Về lệ phí tống đạt trên phương tiện thông tin đại chúng, ông A là người yêu cầu phải chịu và đã thực hiện xong.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[9] Về án phí: ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Ông A không phải chịu án phí. Hoàn lại tạm ứng án phí cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A tranh chấp hợp đồng vay đối với ông B.

Buộc ông B trả cho ông A số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông A có nghĩa vụ trả cho ông B 01 bản chính Căn cước công dân số 080070001692 cấp ngày 21/4/2021 đứng tên B.

Về án phí: ông B phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông B 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0001281 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm